

năm dịch cần quét ác liệt, các địa phương trong huyện đã lãnh đạo nhân dân buộc các điền chủ phải giảm tô 25% hàng trăm mẫu ruộng. Ngoài việc tổ chức nhân dân sản xuất có kết quả, cấp uỷ các địa phương còn lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống dịch phá hoại mùa màng, bảo vệ tài sản, lương thực, thực phẩm. ở xã Mỹ Thọ, nhân dân còn đoàn kết đấu tranh đòi địch trả lại số thóc lúa chúng cướp của dân định mang đi. Tại những vùng bị địch tàn phá nặng nề, chi bộ và chính quyền xã tổ chức kịp thời việc khắc phục khó khăn với tinh thần tương thân, tương ái. Nhân dân đã giúp đỡ nhau lương thực, thực phẩm để vượt qua những ngày đói kém hoặc khi giáp hạt. Cán bộ, nhân viên các cơ quan Đảng, chính quyền ở huyện cũng tự nguyện trích phần lương, gạo ủng hộ đồng bào vùng bị đói, các khoản nợ của dân như thóc cho bộ đội vay, công trái Quốc gia... được chính quyền xét trả cho các gia đình túng thiếu. Lúc giáp hạt, Đảng bộ còn lãnh đạo nhân dân đấu tranh với địa chủ đầu cơ thóc gạo, buộc chúng phải bỏ ra cho nông dân vay. Cuộc trưng vay này mang tính đấu tranh giai cấp rõ rệt. Không ít địa chủ đã dùng mọi phương kế phân tán thóc lúa không muốn cho dân vay. Trước sức đấu tranh của nhân dân, đa số bọn chúng đã phải chấp thuận cho nông dân vay hàng chục tấn thóc. Nhờ những biện pháp tích cực đó, hàng ngàn gia đình đã vượt qua được thời kỳ đói kém. Qua đấu tranh, ta đã củng cố thêm được khối đoàn kết nông thôn, nâng cao uy tín và uy thế của chính quyền cách mạng và giáng một đòn đáng kể vào uy thế của nguy quyền tay sai và giai cấp địa chủ phong kiến.

Trước khi chiến sự lan tới Bình Lục, công tác văn hoá xã hội của huyện được cấp uỷ Đảng hết sức quan tâm và đã đạt được kết quả khá tốt. Tính tới tháng 4-1950, toàn huyện có 40 lớp học, trong đó có một số lớp trung học tu thực như trường Phùng Su (Cát Lại), trường Huỳnh Thúc Kháng của Huyện hội Liên Việt, trường Lê Quý Đôn ở Phù Tải và Mỹ Thọ. Tổ chức cho nhân dân học bình dân học vụ tại 182 lớp sơ cấp với 420 giảng viên và 2.033 học viên. 101 lớp dự bị với 420 giảng viên và 1.726 học viên. Ban Bình dân học vụ huyện đã mở 3 lớp bồi dưỡng cho 42 giảng viên và tổ chức 3 tủ sách bình dân nhằm nâng cao trình độ giảng dạy và kiến thức văn hoá cho nhân dân. Với những cố gắng đó, thời gian này công tác giáo dục ở các trường cơ bản và bổ túc văn hoá huyện Bình Lục được xếp vào loại khá trong tỉnh.

Sau khi địch mở rộng chiến sự ở Bình Lục (5-1950), các trường học và các lớp bình dân học vụ không thể tiếp tục tổ chức do việc nhân dân tản cư chạy giặc. Trước tình hình đó, Ty Bình dân học vụ đã cử cán bộ về Bình Lục cùng với huyện củng cố lại phong trào. Mặt khác với tinh thần hiếu học và chăm lo việc học văn hoá cho con em mình, nhân dân Bình Lục đã đấu tranh với địch đòi mở lại lớp học phổ thông ở các làng xã. Tới cuối năm 1950 nhiều xã đã tổ chức lại được lớp học phổ thông cơ sở và trừ ở các thôn tẻ ác, các thôn ven đường 21, hầu hết các xã đã có lớp bình dân học vụ.

Vào những năm 1951-1952, chiến tranh ngày càng diễn ra ác liệt trên đất Bình Lục, tình hình kinh tế xã hội không

ổn định nên công tác giáo dục phổ thông và bình dân học vụ cũng bị hạn chế. Mặc dù vậy cấp uỷ và chính quyền từ huyện tới cơ sở vẫn coi đây là một công tác quan trọng và tìm mọi biện pháp duy trì, phát triển khi có điều kiện. Với những cố gắng đó, suốt những năm bị giặc Pháp chiếm đóng, Bình Lục vẫn duy trì được công tác giáo dục phổ thông và bình dân học vụ, góp phần mở mang dân trí phục vụ kháng chiến và sự nghiệp phát triển sau này.

Trong hoàn cảnh có chiến tranh, việc mở mang hệ thống y tế nông thôn nhìn chung hạn chế, cán bộ y tế và phương tiện vật chất để khám chữa bệnh cho nhân dân rất thiếu. Tuy vậy huyện đã cố gắng mở lớp đào tạo nhân viên cứu thương và nữ hộ sinh để đáp ứng những nhu cầu cấp thiết nhất cho đời sống nhân dân. Các xã đều có lực lượng cứu thương khi chiến sự xảy ra. Do phục vụ tốt, nhân dân ngày càng tin tưởng vào các nữ hộ sinh, hạn chế được hậu quả trong sinh đẻ do những tập tục lạc hậu gây ra.

Những cố gắng của cấp uỷ Đảng và chính quyền từ huyện tới cơ sở về tổ chức giáo dục văn hoá, xã hội đã thực sự cải thiện đời sống tinh thần cho nhân dân, làm cho mọi người càng tin vào bản chất tốt đẹp của xã hội mới, hăng hái tham gia cuộc kháng chiến bảo vệ quê hương.

Giữa năm 1953 được sự thỏa thuận của Mỹ, Pháp cử tướng Hăngri Nava làm Tổng chỉ huy đội quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương thay tướng Salăng. Nava dự định trong 18 tháng sẽ chuyển bại thành thắng để giành thắng lợi quyết định.

Nhận thấy nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thất bại là do lực lượng cơ động của Pháp bị phân tán đến cực độ trên các chiến trường Đông Dương, Nava chủ trương tổ chức một lực lượng cơ động chiến lược mạnh, đủ sức đánh tan những cuộc tiến công của đối phương và tiêu diệt chủ lực của ta sau này.

Thi hành Chỉ thị của Trung ương Đảng, Tỉnh uỷ đề ra hai nhiệm vụ trọng tâm trong đông xuân 1953-1954:

1. Phối hợp với chiến trường chính, phát triển du kích chiến tranh mạnh mẽ, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng khu du kích.

2. Đẩy mạnh thực hiện chính sách ruộng đất.

Tỉnh uỷ còn đề ra hai công tác lớn trước mắt là: tích cực chống bắt lính và động viên dân công hỏa tuyến phục vụ chiến trường.

Phát huy thắng lợi đã giành được, Huyện uỷ Bình Lục đã phát động phong trào toàn dân kháng chiến, phát triển mạnh lực lượng dân quân du kích, tích cực chặn đánh và chia cắt cô lập địch ở các vị trí, kể cả việc phá hoại các đường giao thông để chặn các cuộc hành quân bằng cơ giới của chúng. Hàng ngàn nhân dân- trong đó có cả cụ già và thiếu niên đã phối hợp cùng dân quân du kích, tham gia đào phá một số đoạn giao thông quan trọng trên quốc lộ 21, đường 62 để cản phá các cuộc hành quân cơ giới của địch và tạo điều kiện cho bộ đội, du kích đánh mìn tiêu diệt chúng. Hàng chục xe đã bị trúng mìn của du kích trên đoạn đường Bình Lục - Nam Định, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Vào đông

xuân 1953-1954, đoạn đường từ Phủ Lý đi Ngô Khê, Vĩnh Trụ bị ta phá hỏng nặng làm cho hoạt động cơ giới của địch trên con đường này hoàn toàn bị tê liệt.

Mặc dù lực lượng địch ngày càng bị hút vào chiến trường chính Tây Bắc và bị động đối phó trên các chiến trường ở đồng bằng Bắc Bộ nói chung, nhưng ở Bình Lục chúng vẫn cố gắng củng cố nguy quân, nguy quyền, mở những cuộc càn nhỏ để củng cố uy thế quân sự và hạn chế các cuộc tiến công của lực lượng vũ trang ta.

Thực hiện chủ trương tích cực phối hợp với chiến trường chính, quân dân trong tỉnh đã cùng bộ đội chủ lực phá vỡ tuyến phòng thủ sông Đáy của địch. Từ tháng 2-1954 quân ta liên tiếp tiêu diệt nhiều vị trí như Hoàng Đan, Kinh Thanh, chặn đánh địch ở Phù Lão giết và làm bị thương 400 tên, diệt quận Đông Văn, đón đánh Binh đoàn số 4 diệt 100 tên, đánh Kiện Khê loại khỏi vòng chiến đấu 216 tên. Trước những thất bại to lớn đó, địch đã phải bỏ nhiều vị trí quan trọng rút chạy. Tại Bình Lục bộ đội địa phương và du kích ta tăng cường lực lượng vây hãm các đồn bốt quan trọng của địch làm cho chúng ngày càng bị cô lập và rơi vào tình thế hoặc bị tiêu diệt hoặc phải rút chạy. Ngày 20-5-1954 địch buộc phải rút khỏi vị trí An Lão.

Trên địa bàn các xã, dân quân du kích làm nòng cốt cùng nhân dân địa phương sẵn sàng chủ động đánh địch càn quét và phối hợp với bộ đội truy kích những cuộc tháo chạy của chúng như các trận chống càn của quân dân xã Đông Du, xã

Tràng An. Tiêu biểu là cuộc chiến đấu chống càn của quân dân xã Đồng Du. Ngày 1-1-1954 một tiểu đoàn địch càn quét vào Đồng Du. Bộ đội địa phương và dân quân du kích xã đã anh dũng đánh lui nhiều đợt xung phong của chúng. Cuộc chiến đấu giằng co từ sáng tới xế chiều, địch mới vào được một phần đầu xã. Lực lượng vũ trang ta vẫn kiên cường bám thắt lưng địch mà đánh, giành giật với chúng từng căn nhà, từng ngõ xóm. Cuối cùng địch phải rút chạy. Trong trận này ta tiêu diệt 30 tên, làm bị thương 18 tên, thu một súng bộ binh.

Ngày 5-1-1954, Huyện uỷ Bình Lục ra Quyết nghị (số 36-QN/HU) *khen chi bộ đại đội A2 và các đồng chí du kích Đồng Du về thành tích chiến đấu chống càn ngày 1-1-1954.*

Đồng thời với triển khai mọi mặt cho cuộc chiến đấu đánh địch trên quê hương, Huyện uỷ còn vận động tổ chức nhiều đơn vị dân công tham gia phục vụ chiến trường. Từ giữa năm 1953 hưởng ứng yêu cầu tập trung nhân tài, vật lực để chuẩn bị cho tổng phản công, gần 3500 lượt người tham gia dân công hoả tuyến phục vụ chiến trường Tây Bắc. Trong chiến dịch đông xuân 1953-1954 hàng trăm thanh niên đã hăng hái nhập ngũ. Hàng ngàn dân công hoả tuyến trong đó chủ yếu là nam, nữ thanh niên lên đường phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên phủ lẫy lừng năm châu, trấn động địa cầu - thắng lợi có ý nghĩa quyết định cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta.

Được chiến thắng Điện Biên Phủ cổ vũ, cuộc chiến đấu của quân dân trong tỉnh càng phát triển mạnh mẽ làm tan vỡ từng mảng lớn hệ thống nguy quân, nguy quyền của địch.

buộc chúng phải từng bước rút lui chiến lược trên địa bàn tỉnh ta. ở Bình Lục, trước sức mạnh của cuộc chiến tranh nhân dân, hoạt động của địch ngày càng yếu ớt và tê liệt, các đồn bốt của chúng gần như chỉ còn chờ lệnh là tháo chạy. Chiều 2-7-1954 tên lính viễn chinh Pháp cuối cùng đã phải rút khỏi Bình Lục. Quê hương ta sớm được giải phóng khỏi ách chiếm đóng của quân xâm lược. Huyện uỷ chỉ đạo ngay việc tiếp thu vùng giải phóng, tiếp quản những đồn bốt địch tháo chạy và nhanh chóng ổn định nhân dân về tinh thần và tổ chức sản xuất đời sống. Đúng ngày 3-7-1954 tỉnh Hà Nam hoàn toàn giải phóng .

Quán triệt và vận dụng sáng tạo đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng, vận dụng linh hoạt các hình thức và tổ chức chiến tranh nhân dân trên tất cả các mặt quân sự, chính trị kinh tế, văn hoá xã hội quân và dân Bình Lục dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện đã liên tiếp giành thắng lợi vẻ vang. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ Bình Lục đã được tôi luyện trong lò lửa chiến tranh và ngày càng phát triển. Từ năm 1950 đến năm 1954, các đồng chí Tạ Hồng Thanh, đồng chí Nguyễn Văn Ngạn, đồng chí Bùi Truy và đồng chí Trần Văn Thai được cử làm Bí thư Huyện uỷ.

Trải qua 9 năm kháng chiến và xây dựng, kết thúc công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Bình Lục có 981 liệt sĩ, Nhà nước tặng thưởng 316 huân chương kháng chiến hạng 3 và 6.738 huy chương kháng chiến các loại. Đây chính là những biểu tượng cao đẹp nhất của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.



*Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân
thời kỳ chống thực dân Pháp.*

Phần thứ tư

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

Chương VI

KHÔI PHỤC, CẢI TẠO VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (1954 - 1965)

1. Khôi phục kinh tế, ổn định đời sống và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế (1954- 1960)

Sau ngày hoà bình lập lại ở miền Bắc (7-1954), nhân dân Bình Lục trở thành người chủ của đất nước độc lập, tự do. Đó là thuận lợi căn bản giúp Đảng bộ và nhân dân Bình Lục từng bước vượt qua khó khăn để bắt tay vào công cuộc xây dựng quê hương. Tuy nhiên, cuộc chiến tranh đã để lại hậu quả nặng cho miền Bắc nói chung và Bình Lục nói riêng. Ruộng đất hoang hoá lên tới hàng ngàn ha. Nông cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp bị thiếu trầm trọng, hệ thống đê điều, thuỷ nông bị hư hại nặng. Các ngành kinh tế nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vốn lạc hậu lại bị tàn phá bởi bom đạn

nên càng trì trệ không đáp ứng nhu cầu lương thực cho nhân dân. Những tháng cuối năm 1954, đầu năm 1955 và đầu hè 1956, Bình Lục là một trong 3 huyện của tỉnh Hà Nam có số người đói cao cùng các bệnh sốt rét, tả, lỵ, da liễu... hoành hành nên tình hình càng trở nên bức xúc.

Trong khi Đảng bộ và nhân dân Bình Lục gặp phải vô vàn khó khăn do chiến tranh để lại thì tháng 5-1955, một trận mưa lớn kéo dài hàng tuần, gây ngập úng toàn bộ diện tích lúa khu B và khu C, thuộc các xã: Trung Lương, An Mỹ, Bối Cầu, An Nội, Hưng Công, An Đỗ, La Sơn, Cát Tường, Mỹ Thọ, Bình Minh... Trước tình hình đó, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Bình Lục quyết định phát động phong trào “Toàn dân ra đồng chống úng cứu lúa”. Với tinh thần “cứu lúa như cứu hoạ”, hàng ngàn người trong huyện, trong đó lực lượng thanh niên là nòng cốt đã đắp bờ vùng, dùng gầu dây, gầu sòng và guồng ngày đêm tát nước chống úng, cứu lúa.

Để cổ vũ tinh thần nhân dân, huyện Bình Lục thành lập Ban tuyên truyền cổ động chống úng. Từ sáng kiến của nhân dân, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện quyết định lấy khẩu hiệu “nghiêng đồng đổ nước ra sông” là khẩu hiệu hành động của đợt đấu thủy, cứu lúa tháng 5-1955.

Sau một tuần kiên trì vật lộn đấu thủy với hàng vạn ngày công lao động, Đảng bộ và nhân dân Bình Lục đã cứu được 1000 mẫu lúa bị ngập. Với thành tích vang dội trong phong trào chống úng, lụt Bình Lục được tỉnh Hà Nam biểu dương. Tại Hội nghị thanh niên toàn khu tổ chức

tại Nam Định (8-1955), Đoàn Thanh niên Bình Lục vinh dự được báo cáo điển hình về thành tích chống úng. Từ Bình Lục, phong trào chống lụt với tinh thần “nghiêng đồng đổ nước ra sông” được nhân rộng ra toàn tỉnh Hà Nam và sau này trở thành khẩu hiệu bất hủ của phong trào chống lụt trên toàn miền Bắc.

Thành tích trong phong trào chống úng, lụt đã góp phần viết tiếp truyền thống kiên cường của Đảng bộ và nhân dân Bình Lục. Nếu như tiếng trống Bồ Đề làm rạo danh Bình Lục trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, thì thành tích chống úng trong tháng 5-1955 với khẩu hiệu “nghiêng đồng đổ nước ra sông” là một kỳ tích của Đảng bộ và nhân dân Bình Lục trong buổi đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cùng với khẩu hiệu “Vất đất ra nước thay trời làm mưa” ở Hà Tây, khẩu hiệu “nghiêng đồng đổ nước ra sông” của Bình Lục là ý chí và hành động trong phong trào chống hạn, chống úng của nhân dân những năm xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp (1954-1965).

Bên cạnh những khó khăn do thiên tai gây ra, an ninh chính trị và trật tự trị an trên địa bàn huyện Bình Lục cũng rất phức tạp. Một số tổ chức đảng phái phản động như *Minh thân nghĩa dũng* được lập ra ở Đông Du, Liên minh phục quốc hội tuy bắt nguồn từ Hà Nội, nhưng tổ chức này phát triển về tận Hưng Công, Ngọc Lũ, Bối Cầu, Bình Minh⁽¹⁾ và

(1). Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam*, tập I (1927-1975), xuất bản năm 2000, tr.256-257.

một số nơi khác thuộc tỉnh Hà Nam với âm mưu là ám sát cán bộ cốt cán, phá hoại chính sách của Đảng, Nhà nước, tập hợp lực lượng gây bạo loạn, tổ chức in bạc giả, cướp tiền ở các trạm thuế, buôn lậu. Hoạt động của chúng gây hoang mang, dao động cho dân chúng, làm mất trật tự trị an. Ngoài ra, chúng còn liên kết với bọn phản động đội lốt Thiên chúa giáo tiến hành âm mưu dụ dỗ, cưỡng ép giáo dân di cư vào Nam, xúi giục bọn xấu gây ra các vụ trộm cắp, phá hoại sản xuất, giết hại gia súc, gia cầm.

Đứng trước những khó khăn đó, quán triệt chủ trương của Đảng và Chính phủ, thực hiện chương trình công tác tháng 7-1954 của Tỉnh uỷ và Nghị quyết về những nhiệm vụ trước mắt của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Bình Lục đã đề ra chủ trương, nhiệm vụ cấp bách trước mắt; phát động phong trào thi đua khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh sản xuất tiết kiệm, ổn định đời sống nhân dân.

Nhằm từng bước khôi phục sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ tập trung lãnh đạo nhân dân tu sửa, củng cố hệ thống đê điều. Huyện huy động hàng chục ngàn ngày công đào đắp hàng ngàn mét khối đất để củng cố hệ thống đê, nhất là đoạn đê từ Bình Lục về Phủ Lý. Bên cạnh đó, hệ thống nông giang được tu bổ, nạo vét thường xuyên đảm bảo yêu cầu tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Là địa phương có phần lớn diện tích gieo trồng là đồng chiêm trũng nên huyện rất chú trọng công tác đắp đập, đào mương, phòng chống úng, lụt để mở rộng diện tích lúa.

Để nhanh chóng khôi phục diện tích gieo trồng, Đảng bộ chỉ đạo nhân dân phá rữ đồn bốt, tháo gỡ bom mìn, dây thép gai, giải phóng đồng ruộng; xây dựng lại nhà cửa, giúp đỡ lương thực, giống, vốn, nông cụ cho các hộ khó khăn; vận động đồng bào lương, giáo cùng nhau đoàn kết khôi phục sản xuất, ổn định đời sống. Phong trào thi đua khắc phục hậu quả chiến tranh được toàn Đảng, toàn dân Bình Lục hưởng ứng.

Nhờ sự nỗ lực của các tầng lớp nhân dân nên đến đầu vụ mùa năm 1954, toàn bộ đồn bốt, boong ke, tháp canh của địch đã bị phá bỏ. Hàng ngàn tấn thép gai và bom, mìn do địch cài lại đã được thu dọn, đồng ruộng được giải phóng để nhân dân kịp cày, cấy. Từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 7 năm 1955, gần một ngàn mẫu ruộng hoang hoá được khôi phục và đưa vào gieo trồng. Ngoài ra, các địa phương còn tích cực khai hoang, mở rộng diện tích gieo cấy ở các vùng chiêm trũng.

Các ngành nghề thủ công truyền thống bị mai một trong chiến tranh như sản xuất nông cụ (cày, bừa, liềm cuốc), sản xuất vật liệu xây dựng (nung vôi, làm gạch-ngói), nghề gốm, nghề dệt vải từng bước được phục hồi nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống nhân dân.

Hệ thống đường liên thôn, liên xã bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh đã được tập trung khôi phục. Huyện đã huy động trên 5000 ngày công, đào đắp gần 10.000 m³ đất đắp lại hệ thống đường liên huyện, liên xã, liên thôn, thiết thực góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế.

Với truyền thống *lá lành đùm lá rách*, nhân dân trong huyện đã *nhường cơm sẻ áo*, giúp đỡ nhau thoát khỏi nạn đói năm 1954 và đầu năm 1955. Cùng với phong trào vận động tương trợ lẫn nhau khắc phục nạn đói, với phương châm *chữa bệnh như cứu đói*, Đảng bộ đã chỉ đạo các cấp uỷ Đảng, chính quyền và ngành y tế tập trung cứu chữa hàng trăm bệnh nhân mắc các bệnh sốt rét, tả, lỵ, da liễu và kịp thời dập tắt dịch cúm vào cuối năm 1954.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Bình Lục đã đề ra những biện pháp nhằm tăng cường củng cố, xây dựng chính quyền cơ sở vùng mới giải phóng. Từ tháng 7 đến tháng 9 - 1954, huyện cử cán bộ tham gia các lớp học bồi dưỡng về tình hình, nhiệm vụ mới, các chính sách của Đảng, Chính phủ đối với vùng mới giải phóng do Tỉnh uỷ tổ chức. Đến tháng 9-1954 một số xã của huyện Bình Lục như Tiên Lý, Đạo Truyền tổ chức được chính quyền thôn và củng cố lại chính quyền xã⁽¹⁾. Cán bộ thôn, xã là những người đã qua thử thách trong chiến tranh nên được nhân dân tín nhiệm. Sang năm 1955, hầu hết chính quyền các xã, được tăng cường, củng cố một bước, góp phần tích cực đẩy mạnh công tác vùng mới giải phóng.

Thực hiện yêu cầu xây dựng Đảng vùng mới giải phóng, Đảng bộ Bình Lục đã tổ chức cho đảng viên học tập tình

(1). Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh: *Những sự kiện Lịch sử Đảng bộ Hà Nam Ninh (1954-1964)*. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh xuất bản, 1990, tr.16. .

hình, nhiệm vụ mới, liên hệ kiểm thảo sâu sắc để nâng cao nhận thức, sửa chữa khuyết điểm, sai lầm, khôi phục cho các đảng viên còn đủ tiêu chuẩn. Các chi bộ lấy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị làm nội dung để kiểm điểm thường xuyên hơn. Nhờ vậy, sinh hoạt của các chi bộ đi vào nề nếp, chất lượng lãnh đạo của chi bộ được nâng cao một bước.

Không chỉ gặp khó khăn do hậu quả chiến tranh để lại, Đảng bộ và nhân dân Bình Lục còn phải đối phó với mọi thủ đoạn lừa phỉnh, dụ dỗ, cưỡng bức giáo dân vào Nam. Bọn phản động ra sức tuyên truyền “Chúa đã vào Nam”, nếu là con chiên trung thành thì phải “theo chúa vào Nam để được cứu vớt. Nếu ở lại sẽ bị Cộng sản phá đạo”, “Mỹ sẽ ném bom nguyên tử xuống miền Bắc”...

Trước tình hình diễn biến ngày càng phức tạp, quán triệt Chỉ thị 07 và 16 của Trung ương Đảng về chống phá âm mưu địch dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào đi Nam, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Đảng bộ đã cử hàng chục chi uỷ viên xã tham gia lớp học bồi dưỡng do Tỉnh uỷ tổ chức để nắm được chủ trương của Đảng và Chính phủ. Đồng thời, Huyện uỷ mở đợt tuyên truyền sâu rộng cho nhân dân thấy rõ âm mưu thâm độc của kẻ thù, nắm vững chính sách tôn giáo, tôn trọng tự do tín ngưỡng của Đảng; tổ chức triển lãm lưu động và biểu diễn văn nghệ ở vùng công giáo.

Nhờ khẩn trương và bám sát cơ sở nên cuộc đấu tranh chống phá âm mưu địch dụ dỗ, cưỡng ép giáo dân đi Nam ở Bình Lục thu được kết quả cao và trở thành một trong số địa

phương ở tỉnh Hà Nam có ít hộ công giáo và đông bào giáo dân bị mua chuộc, dụ dỗ và cưỡng bức vào Nam. Tình đoàn kết của cán bộ và nhân dân lương - giáo ngày càng được củng cố và phát triển.

Tháng 2 năm 1955, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Bình Lục đã tổ chức đón tiếp và tạo điều kiện để các đội giảm tô hoàn thành nhiệm vụ phát động nhân dân đấu tranh với giai cấp địa chủ thực hiện chính sách giảm tô, giảm tức của Đảng và Chính phủ. Dưới sự chỉ đạo của các đội cải cách ruộng đất, nông dân vùng lên tố khổ, vạch trần những bất công, thủ đoạn bóc lột của giai cấp phong kiến, địa chủ gian ác. Đến đầu năm 1956, Bình Lục đã cơ bản hoàn thành cải cách ruộng đất. Số hộ bị quy địa chủ trên địa bàn huyện là 1.925 hộ, trong đó: địa chủ cường hào gian ác là 284; địa chủ thường 922; phú nông 461 hộ; ít ruộng phát canh 7; bóc lột khác 251. Tổng số ruộng được chia trong cải cách ruộng đất là 522,9 mẫu. Tổng số trâu bò bị thu là hơn 270 con. Số hộ bị tịch thu nhà cửa là 558 hộ⁽¹⁾.

Cải cách ruộng đất ở Bình Lục là cuộc cách mạng sâu sắc, làm thay đổi tận gốc quyền sở hữu ruộng đất, giải phóng áp bức, bóc lột, thực hiện mục tiêu *người cày có ruộng*. Giai cấp địa chủ, phong kiến bị đánh đổ, trong đó, những tên địa chủ cường hào gian ác bị đánh trúng. Chế độ chiếm hữu ruộng đất bị xoá bỏ, nông dân từ thân phận làm thuê trở thành người

(1). Mẫu Tổng hợp số 1: *Thống kê sửa sai về qui định thành phần giai cấp*. Tài liệu lưu tại Huyện uỷ Bình Lục.

làm chủ. Thắng lợi của công cuộc cải cách ruộng đất ở Bình Lục góp phần cùng các địa phương khác trên miền Bắc hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, tạo tiền đề cho việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, cũng như nhiều địa phương khác trên miền Bắc, cải cách ruộng đất ở Bình Lục đã mắc phải một số sai lầm nghiêm trọng. Đó là việc xác định thành phần giai cấp không đúng nên đã qui sai thành phần giai cấp nhiều hộ. Trong đó, có số cán bộ chủ chốt ở một số xã bị đầu tố, xử lý oan sai trầm trọng. Tổng số hộ bị qui sai trong cải cách ruộng đất ở Bình Lục là 1.432 hộ, trong đó: địa chủ cường hào gian ác là 234 hộ; địa chủ thường là 534 hộ; phú nông là 412 hộ và 251 hộ bóc lột khác⁽¹⁾. Do cải cách ruộng đất kết hợp với chỉnh đốn tổ chức được thực hiện một cách máy móc, giáo điều nên tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng hầu như bị cô lập. Đội cải cách ruộng đất toàn quyền quyết định mọi công việc ở xã, dẫn đến tình trạng đầu tố tràn lan, đánh cả vào tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên, gây nhiều tổn thất cho Đảng bộ. Việc qui sai thành phần giai cấp đã dẫn đến xử lý sai, tịch thu và trưng thu, trưng mua nhằm ruộng đất, nhà cửa, trâu bò của một số hộ gia đình. Thực trạng đó đã gây ra sự căng thẳng, nghi ngờ, dao động và oán thù trong nhân dân và cán bộ, đảng viên; làm cho kết quả cải cách ruộng đất bị hạn chế,

(1). Mẫu Tổng hợp số 1: *Thống kê sửa sai về qui định thành phần giai cấp*. Tài liệu lưu tại Huyện uỷ Bình Lục.

7. Xoá bỏ thành phần cho một số nông dân lao động bị quy oan là địa chủ mà nhân dân đã thấy rõ ràng.

8. Tiếp tục trả lại tự do cho cán bộ và nhân dân bị xử lý oan sai, sớm bỏ tiếng liên quan đến Quốc dân Đảng cho những người bị quy sai, xoá bỏ mọi hình thức bao vây ở nông thôn.

9. Tăng cường công tác trị an nông thôn.

10. Đẩy mạnh mọi công tác khác như: sửa sai, công tác thu thuế, xây dựng lực lượng vũ trang, văn hoá- xã hội...

Sau Hội nghị Huyện uỷ mở rộng, Đảng bộ tập trung lãnh đạo công tác sửa sai với phương châm *sai đâu sửa đấy, có sai có sửa*. Kết quả, sau 3 bước sửa sai, hàng trăm người bị bắt trong giảm tô, cải cách ruộng đất và chính đốn tổ chức được trả tự do. Số hộ bị quy sai là giai cấp bóc lột hạ từ 1.925 xuống còn 779, trong đó địa chủ cường hào, gian ác chỉ còn 59, địa chủ thường 452, địa chủ kháng chiến 40, phú nông 155, ít ruộng phát canh 73⁽¹⁾. Kết quả đạt được trong công tác sửa sai đã góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo nên sự đoàn kết, nhất trí trong toàn Đảng bộ, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng nhân dân, từng bước lấy lại sự ổn định trong đời sống nông thôn.

Song song với nhiệm vụ sửa sai, những năm 1955-1957, Đảng bộ Bình Lục tập trung lãnh đạo khôi phục sản xuất kinh tế. Thực hiện chủ trương của Hội nghị Trung ương 8 (khoá II) “lấy cải cách ruộng đất là trọng tâm, khôi phục kinh tế là trọng yếu” và quán triệt Chỉ thị của Tỉnh uỷ Hà Nam (1-4-1955) về

(1). Tài liệu đã dẫn.

Bước vào thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp 2 năm (1956-1957), Đảng bộ và nhân dân Bình Lục gặp nhiều khó khăn do thiên tai gây ra. Nắng nóng kéo dài khiến cho diện tích bị hạn lên tới 3.500 mẫu. Bên cạnh đó, mưa, lũ hoành hành làm cho diện tích ngập úng lên tới 8.456 mẫu. Mặt khác, do đời sống khó khăn, nhân dân thiếu đói nên giống, vốn cho sản xuất bị thiếu trầm trọng. Ngoài ra, nông cụ, trâu, bò cày kéo cũng không đáp ứng yêu cầu sản xuất.

Trước những khó khăn đó, ngày 25-5-1956, Huyện uỷ ra Chỉ thị về đắp đập, chống hạn, chống úng. Chỉ thị nhấn mạnh, phải coi việc chống hạn, chống úng, đảm bảo đủ nước cấy là công tác trung tâm, đột xuất trước mắt để thúc đẩy sản xuất phát triển. Thực hiện Chỉ thị của Huyện uỷ, các tổ đổi công và hộ nông dân tích cực tham các phong trào khơi mương, đắp đập, chống hạn, chống úng, làm đường và cải tạo đồng ruộng. Năm 1956, toàn huyện đã đắp và sửa 135 con đường với tổng chiều dài 37.539m, với 27.185 ngày công, phục vụ sản xuất 13.016 mẫu ruộng. Bên cạnh đó, huyện còn huy động 113.432 ngày công nạo mương, vét máng với tổng chiều dài 39.087 m, đảm bảo nước tưới, tiêu gieo cấy 14.209 mẫu ruộng.

Phát huy tinh thần đấu thủy “ngiên đồng đổ nước ra sông” (tháng 5-1955), trong năm 1956, Bình Lục huy động 32.995 ngày công tát nước cứu lúa và cấy lại diện tích bị ngập úng là 17.060 mẫu; đồng thời huy động hơn 20.000 ngày công vét bèo tây, rào chắn ở 6.711m trên các sông...

Để nâng cao năng suất cây trồng, Đảng bộ Bình Lục chú trọng lãnh đạo cải tiến kỹ thuật. Huyện uỷ tổ chức các cuộc họp Bí thư chi bộ và Nông hội bàn về kế hoạch sản xuất năm 1956; cử một số cán bộ đi học tập về kỹ thuật do tỉnh mở. Ngoài ra, qua các bước cải tiến kỹ thuật, huyện đều tổ chức rút kinh nghiệm, tập trung vào các khâu: chọn giống tốt, ngâm thóc mạ 3 sôi 2 lạnh, cày bừa cải tiến, làm cỏ lúa nhiều lần bằng cào cỏ, cấy lúa khóm nhỏ. Nhờ vậy, trong vụ chiêm xuân năm 1956, mặc dù bị thiên tai lớn song so với năm 1955, năng suất vẫn tăng gần 10%. Đặc biệt, toàn xã Đồng Du, năng suất tăng 17,7%. Mặc dù có một số tiến bộ nhưng nhìn chung sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với phong trào cải tiến kỹ thuật chưa tương xứng với tầm quan trọng của nó, nên chỉ rầm rộ thời kỳ đầu, đến nửa cuối năm 1956 phong trào bị lắng xuống. Mặt khác, trong ngành chăn nuôi và bảo vệ gia súc, việc hướng dẫn kỹ thuật chưa sâu rộng nên trong chăn nuôi chưa áp dụng được các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Công tác bảo vệ đàn gia súc, gia cầm không được chú ý đúng mức. Các xã vùng chiêm trũng, đàn trâu bò cày kéo cứ sau mỗi vụ, số trâu bò bị chết lại tăng lên. Ngoài ra, các đợt rét, nắng nóng kéo dài hoặc ngập úng xảy ra đã làm bùng phát các dịch bệnh gia súc, gia cầm song huyện chưa có biện pháp phòng ngừa hậu quả.

Trong quá trình khôi phục sản xuất, mặc dù gặp nhiều khó khăn do thiên tai gây ra nhưng nhờ sự lãnh đạo sát sao, kịp thời của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự tích cực của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nên sản xuất

nông nghiệp 2 năm (1956-1957) ở Bình Lục đã đạt được những thành tựu đáng kể.

Tổng diện tích gieo cấy lúa năm 1956, 1957 đạt gần 40.000 ha. Diện tích trồng ngô năm 1956: 598 mẫu, năm 1957: 287 mẫu 8 sào. Diện tích khoai năm 1956: 1.224 mẫu, năm 1957: 815 mẫu 7 sào. Diện tích cây đậu tương năm 1956: 588 mẫu, năm 1957: 585 mẫu. Sản lượng thóc năm 1956 đạt gần 20.000 tấn, sản lượng màu qui thóc đạt gần 2.000 tấn. Sang năm 1957, sản lượng thóc đạt 26.310 tấn, sản lượng màu qui thóc bao gồm (ngô, khoai, sắn) đạt 2.678 tấn. Tổng sản lượng thực qui thóc đạt 28.988 tấn.

Như vậy, sau gần 2 năm khắc phục hậu quả chiến tranh, đến năm 1956, sản xuất nông nghiệp của huyện đã phục hồi. Năm 1957 nông nghiệp có bước phát triển mạnh. Tổng sản lượng lương thực qui thóc tăng hơn năm 1956 là 7.678 tấn (20%), so với năm 1954 tăng hơn 35%. Do sản lượng lương thực tăng nên bình quân lương thực đầu người tăng từ 241 kg (1956) lên 307 kg (1957).

Cùng với ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi cũng có bước phát triển. Đến năm 1957, toàn huyện có 1.205 trâu, 717 bò, hơn 100.000 gia cầm.

Đi đôi với việc tập trung khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ Bình Lục chú trọng ổn định đời sống nhân dân. Tháng 5-1956, nạn đói xảy ra trên địa bàn huyện khiến hàng ngàn hộ thiếu ăn. Trước tình hình đó, huyện đã phát động phong trào tương thân, tương ái, lấy sản xuất để tự

cứu mình. Một loạt giải pháp được đưa ra như vận động tương trợ giữa các gia đình: trồng ngô, khoai, sắn, rau muống cứu đói; làm các nghề thủ công để góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống. Kết quả, toàn huyện đã vận động tương trợ được 818.600 đồng và 7.121 kg thóc, đồng thời giúp cho 305 gia đình cày cấy 1.413 mẫu ruộng. Bên cạnh đó, huyện trích quỹ địa phương cho nhân dân vay 452.510 đồng và 6.102 kg thóc. Qua đợt phát động nhân dân làm nghề thủ công để tăng thu nhập, khắc phục nạn đói, huyện đã phục hồi được một số nghề truyền thống như: dệt gai: 99 gia đình; làm rèm: 150 gia đình; làm nón: 450 gia đình; phát triển 48 khung cửi khổ rộng và 200 khung cửi khổ hẹp.

Trong quá trình khôi phục kinh tế, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn song Đảng bộ Bình Lục chủ trương đẩy mạnh công tác thanh toán nạn mù chữ thông qua việc phát động phong trào *bình dân học vụ* nhằm nâng cao trình độ văn hoá của cán bộ, đảng viên và trình độ dân trí của nhân dân, tạo tiền đề thúc đẩy kinh tế- xã hội phát triển. Để đạt mục tiêu cơ bản xoá mù chữ trong năm 1958, Đảng bộ đề ra nhiệm vụ cho ngành giáo dục là: trong 2 năm (1956-1957), hoàn thành thanh toán mù chữ cho các đối tượng: cán bộ xã, đảng viên, đoàn viên, cán bộ công nhân viên chức trong cơ quan huyện, bộ đội; phấn đấu căn bản thanh toán mù chữ cho toàn dân.

Thực hiện chủ trương của Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện, ngành giáo dục và các địa phương đã đẩy mạnh phong trào bình dân học vụ theo phương châm huy động lực lượng

toàn ngành tham gia trên cơ sở chấn chỉnh bộ máy, huấn luyện bồi dưỡng giáo viên; xây dựng Ban vận động diệt dốt, khuyến học; sử dụng lực lượng phổ thông tham gia; đồng thời, liên tục mở các đợt vận động để thúc đẩy phong trào. Năm 1956, huyện đã phát động 5 đợt vận động, năm 1957 phát động 3 đợt.

Nhờ sự chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành, và sự nỗ lực của các tầng lớp nhân dân, nên phong trào bình dân học vụ ở Bình Lục 2 năm (1956-1957) đạt được kết quả khả quan. Năm 1956, huyện mở 165 lớp sơ cấp, 54 lớp dự bị, thanh toán mù chữ cho 4.825 người đạt 94,9%; bổ túc văn hoá cho 5.153 người đạt 96,2% kế hoạch. Năm 1957 có 30/31 xã phong trào bình dân học vụ được triển khai sâu rộng; xoá mù chữ được 5.300 người và bổ túc văn hoá cho hơn 5000 người. Những thành tựu của phong trào bình dân học vụ trong năm 1956 và 1957 tạo tiền đề để năm 1958 huyện hoàn thành kế hoạch xoá nạn mù chữ.

Phong trào văn hoá, văn nghệ phát triển ở các thôn, xóm. Các đội văn nghệ (chèo, cải lương) được thành lập với các tiết mục tự biên, tự diễn phục vụ nhân dân và công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ.

Công tác quốc phòng, an ninh được tăng cường một bước trên cơ sở kiện toàn lực lượng vũ trang huyện. Bộ máy quân sự từ huyện xuống các xã được củng cố, kiện toàn một bước. Ban chỉ huy quân sự huyện gồm 20 cán bộ, chiến sĩ. Lực lượng dân quân du kích xã lên đến hàng ngàn người. Bên

cạnh đó, tất cả các xã trong huyện đều có Ban công an xã. Mạng lưới công an viên được xây dựng ở hàng trăm xóm. Từ năm 1954 -1957, phối hợp với công an tỉnh, lực lượng công an huyện đã góp phần quan trọng vào công tác đấu tranh trấn áp bọn phản động, lưu manh: thu hồi vũ khí, chống phá âm mưu dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào công giáo đi Nam; bảo vệ cơ quan Đảng, chính quyền và giữ vững trật tự trị an nông thôn.

Đi đôi với công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, Đảng bộ còn chú trọng công tác củng cố, xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng. Trong quá trình sửa sai cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, Huyện uỷ đã tổ chức các lớp học quán triệt Nghị quyết Trung ương 10 (khoá II) và *Lời kêu gọi* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Huyện cũng cử hàng trăm cán bộ huyện, xã tham gia các lớp học về nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới do Tỉnh uỷ mở. Sau sửa sai, hàng trăm đảng viên bị xử trí oan đã được trả lại đảng tịch; tổ chức Đảng ngày càng vững mạnh, uy tín của Đảng được nâng lên và trở thành hạt nhân lãnh đạo chính trị; khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng và mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng nhân dân được tăng cường.

Tổ chức chính quyền cơ sở được củng cố, kiện toàn một bước. Uỷ ban hành chính các xã lựa chọn cán bộ trên cơ sở thành phần cơ bản, tích cực công tác. Công tác tuyên truyền, vận động mở rộng và củng cố Mặt trận được tiến

hành thường xuyên. Tổ chức Nông hội được chấn chỉnh, số hội viên hàng năm tăng thêm hàng ngàn người. Lực lượng thanh niên bước đầu phát huy vai trò xung kích trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong việc cứu đói, chống lụt với sự tham gia của 4.000 thanh niên. Sự tham gia tích cực của các đoàn thể quần chúng đã góp phần quan trọng vào việc phục hồi sản xuất sau chiến tranh.

Những năm đầu của thời kỳ cách mạng mới, cũng như nhiều địa phương khác trên miền Bắc, Bình Lục gặp rất nhiều khó khăn, thử thách. Trước tình hình đó, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân từng bước tháo gỡ khó khăn, kiên trì phục hồi sản xuất, vững vàng đấu tranh chống các âm mưu phá hoại của kẻ thù, hoàn thành cải cách ruộng đất- nhiệm vụ còn lại của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ. Sau 3 năm kiên trì phấn đấu, sản xuất kinh tế và đời sống nhân dân dần đi vào ổn định.

Bước vào những năm 1958-1960, nhiệm vụ đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân trong huyện là phải tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, đưa nhân dân vào con đường làm ăn tập thể, từng bước phát triển kinh tế- văn hoá, xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.

Tháng 1 năm 1958, năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội (1958-1960), để đảm bảo nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Bình Lục tập trung chỉ đạo đắp đập Cát Tường chống hạn

cho các xã Đôn Xá, An Mỹ, Đông Du, Liên An (khu A); Hưng Công, Bối Cầu, Trung Lương, An Nội (khu C) và một số xã thuộc huyện Vụ Bản. Giữa lúc nhân dân đang hăng say lao động trên công trường xây dựng đập chống hạn thì chiều ngày 14-1-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm dân công lao động xây dựng đập Cát Tường tại địa phận xã An Mỹ để lấy nước cứu hàng nghìn mẫu lúa vụ chiêm thuộc khu C huyện Bình Lục. Khi Hồ Chủ Tịch đến công trường, nhân dân đã đập đập nổi trên mặt nước. Người đi trên đập qua sông đến thăm tận nơi làm việc của nhân dân. Người khen ngợi tinh thần cố gắng của nhân dân trong huyện. Sự kiện này là niềm vinh dự lớn, tạo động lực để Đảng bộ và nhân dân trong huyện vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ chống hạn, cứu lúa. Với những thành tích đạt được trong phong trào chống hạn, nên tại Hội nghị chống hạn của tỉnh Hà Nam họp ngày 14-1-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh trao tặng cờ luân lưu *Chống hạn khá nhất*⁽¹⁾ cho Đảng bộ và nhân dân Bình Lục. Người cũng trao cho các đơn vị khơi kênh Ben, đập đập Cát Tường và vét mương Mạc Thượng mỗi nơi ba huy hiệu làm phần thưởng cho những cá nhân xuất sắc trong công tác chống hạn⁽²⁾.

Quán triệt Nghị quyết 14 và Chỉ thị 57 của Trung ương Đảng về nhiệm vụ xây dựng tổ đổi công năm 1958 và thực

(1). Trích theo: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam tập I (1927-1975). Ban Chấp hành Đảng bộ Hà Nam xuất bản 10-2000, tr.289.

(2). Theo Báo Nhân dân ngày 15-1-1957, tr.1.



**Ngày 14-1-1958 Hồ Chủ Tịch về thăm nhân dân
đắp đập chống hạn cứu lúa tại đập Cát Tường
xã An Mỹ, huyện Bình Lục.**

hiện chủ trương của Tỉnh uỷ Hà Nam về củng cố phong trào xây dựng tổ đổi công, tháng 2-1958, Huyện uỷ mở Hội nghị tổng kết phong trào tổ đổi công năm 1957. Hội nghị biểu dương các kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế thiếu sót, xác định kế hoạch năm 1958 là đi đôi với việc mở lớp huấn luyện cho cán bộ chủ chốt của xã và cán bộ huyện, phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền và vận động nhân dân học tập kế hoạch của tỉnh. Sau hơn một tháng vận động, toàn huyện thành lập được 808 tổ đổi công gồm 6.734 hộ. Đến tháng 8-1958, có 902 tổ với 7.335 hộ nông dân lao động tham gia, chiếm 35,5%. Đến cuối năm 1958, Bình Lục thành lập được 1.413 tổ đổi công với 13.056 hộ nông dân, đạt 51,1%. Trong đó, số tổ hoạt động thường xuyên có 318 tổ, chiếm 11,91% tổng số. Trong phong trào xây dựng tổ đổi công, một số xã có phong trào phát triển mạnh như Nguyễn Bình đạt 92%, Bình Minh 95%. Tuy nhiên, phong trào xây dựng tổ đổi công chỉ phát triển về bề rộng, chưa có chiều sâu. Số tổ đổi công hoạt động thường xuyên còn ít, hiệu quả hoạt động kém.

Cùng với việc xây dựng tổ đổi công, thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ Hà Nam về thí điểm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp và được sự chỉ đạo trực tiếp của tỉnh, Huyện uỷ Bình Lục chỉ đạo Chi bộ xã Liên An tổ chức học tập chính sách. Điều lệ xây dựng hợp tác xã cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đồng thời nghiên cứu tình hình cụ thể của xã để đề ra kế hoạch thực hiện. Thực hiện nguyên tắc *tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ*, sau gần 2 tháng tuyên truyền, vận động và tổ chức, hợp tác xã nông nghiệp Tiên Phong thuộc thôn Ô Mễ (xã Liên

An) ra đời, thu hút 20 hộ xã viên tham gia. Ông Lê Văn Á, tổ trưởng Đảng được phân công là chủ nhiệm hợp tác xã. Dưới sự điều hành của hợp tác xã, trong vụ mùa năm 1958, năng suất lúa đạt 2.7 tấn/ha, trong khi nông dân cá thể chỉ đạt 2,4 tấn/ha⁽¹⁾. Là một trong số những hợp tác xã đầu tiên của miền Bắc nên hợp tác xã Tiên Phong xã Liên An vinh dự được Phó Thủ tướng Phạm Hùng đến thăm. Sau hợp tác xã Tiên Phong, đến cuối năm 1958, 6 hợp tác xã nông nghiệp mới cũng ra đời.

Nhằm thực hiện tốt vai trò lãnh đạo trong quá trình cải tạo nông nghiệp, từng bước đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, Huyện uỷ đã cử cán bộ đảng viên ở cơ sở tham gia 29 lớp học tập do Tỉnh uỷ mở nhằm giáo dục và nâng cao nhận thức cho đảng viên về nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Qua học tập, số đảng viên tham gia các tổ đổi công và hợp tác xã nông nghiệp tăng lên.

Trước tình hình sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do hạn hán, lũ lụt gây ra, Đảng bộ chủ trương đẩy mạnh công tác làm thuỷ lợi, phát huy thành tích lá cờ đầu trong phong trào chống hạn, huyện huy động nhân lực hoàn thành công trình xây dựng đập Cát Tường, đồng thời đào đắp thêm nhiều kênh, mương để phục vụ sản xuất. Trong năm 1958, huyện huy động 28.886 ngày công đào đắp, tu sửa đường và mương máng, giải quyết nước tưới tiêu cho toàn bộ khu A và khu C với tổng diện tích hàng ngàn mẫu ruộng.

(1). Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh: *Những sự kiện Lịch sử Đảng bộ Hà Nam Ninh*, (1954- 1964). Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ xuất bản, 1990, tr.79-80.

Bên cạnh việc đẩy mạnh công tác thủy lợi đảm bảo đủ nước tưới cho đồng ruộng, góp phần mở rộng diện tích gieo cấy, huyện tập trung chỉ đạo cải tiến kỹ thuật trong các khâu sản xuất như: cấy dày, cày bừa kỹ, làm cỏ bằng cào cỏ. Năm 1958, các xã trong huyện đã sử dụng 155 cày cải tiến 51 phục vụ sản xuất.

Do làm tốt công tác thủy lợi, mở mang diện tích gieo trồng và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nên kinh tế nông nghiệp Bình Lục năm 1958 có bước phát triển vượt bậc. Tổng sản lượng lúa cả năm đạt 31.675 tấn, tăng hơn năm 1957 (là năm có sản lượng cao) hơn 4.000 tấn. Sản lượng màu qui thóc đạt hơn 3.000 tấn, trong đó: ngô 104 tấn, khoai 2.558 tấn, đậu tương 204 tấn. Nếu tính cả sản lượng màu qui thóc thì tổng sản lượng lương thực năm 1958 đạt 34.063 tấn. Do sản lượng lương thực tăng cao nên bình quân lương thực trên đầu người tăng nhanh từ 241 kg năm 1956 lên 307 kg năm 1957 và 348 kg năm 1958.

Chăn nuôi cũng có bước phát triển đáng kể. Tổng đàn gia súc, gia cầm đều tăng. Đàn trâu tăng từ 1.203 con năm 1957 lên 2.456 con năm 1958, đàn bò tăng hơn năm 1957 gần 100 con, đạt 901 con. Đàn lợn mặc dù gặp phải dịch bệnh song 6 tháng đầu năm 1958, tổng đàn lợn vẫn đạt 13.000 con.

Do sản xuất nông nghiệp phát triển nên công tác thuế nông nghiệp đạt kết quả tốt. Năm 1958, toàn huyện đã huy động 2.767 tấn thóc cho Nhà nước. Hoạt động thương nghiệp

quốc doanh và tập thể cũng chuyển biến theo chiều hướng tích cực, chiếm lĩnh khoảng 50% lượng hàng hoá bán trên thị trường.

Các ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống như dệt vải, làm nón, dệt gai, sản xuất nông cụ (cày, bừa, cuốc) ngày càng phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

Sự phát triển của ngành kinh tế tạo điều kiện thúc đẩy các hoạt động văn hoá- xã hội. Phong trào bình dân học vụ tiếp tục được đẩy mạnh. Một số xã duy trì phong trào đều đặn thường xuyên như An Nội, Đình Xá, Hưng Công. Trong 6 tháng đầu năm 1958, toàn huyện huy động được 7.094 người mù chữ đi học, đạt 92%. Ngày 1-8-1958, Huyện uỷ ra Chỉ thị số 15-CT/HU về việc lãnh đạo gấp rút thanh toán nạn mù chữ, quyết tâm căn bản xoá mù chữ trong năm 1958. Đến cuối năm 1958, hơn 10.000 người được xoá mù, bổ túc văn hoá trình độ cấp I cho 6.977 người, trình độ cấp II cho 717 người.

Về mặt xã hội, Đảng bộ chỉ đạo cho các cấp, các ngành làm tốt công tác trợ cấp lương thực cho các hộ thiếu, đói. Giải quyết việc làm thông qua việc khuyến khích phát triển các nghề thủ công truyền thống. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, quan tâm đến các đối tượng chính sách.

Huyện uỷ chỉ đạo sát sao việc bầu cử các cấp uỷ, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và huy động các tổ chức đoàn

thể quần chúng tập trung phát triển sản xuất, đi đầu trong các phong trào thi đua.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng. Huyện uỷ cử cán bộ, đảng viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị do tỉnh mở. Bên cạnh đó, ý thức được công tác kiện toàn Chi uỷ là nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, trong năm 1958 Đảng bộ tập trung chỉ đạo công tác này. Qua 3 đợt kiện toàn Chi uỷ, toàn Đảng bộ huyện có 34 chi bộ với 1.190 đảng viên, trong đó có 31 chi bộ xã và 3 chi bộ cơ quan. Qua phân loại chi bộ xã có 4 chi bộ khá, 16 chi bộ trung bình và còn 11 chi bộ yếu kém. Cuối năm 1958, Đảng bộ chỉ đạo bầu 31 ban chi uỷ xã mới. Mỗi ban chi uỷ xã từ 2 đến 9 đồng chí. Tổng số chi uỷ viên của các ban chi uỷ xã gồm 158 đồng chí, trong đó có 7 nữ, 5 công giáo, 12 bộ đội phục viên, 14 đảng viên mới được kết nạp trong đợt cải cách ruộng đất. Việc kiện toàn, củng cố cơ sở Đảng và các ban Chi uỷ đã góp phần xây dựng Đảng bộ ngày càng vững mạnh.

Thi hành Chỉ thị của Trung ương Đảng và thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, từ ngày 23 đến ngày 26-12-1958, Huyện uỷ Bình Lục tổ chức Hội nghị Đảng bộ gồm 121 đại biểu, đại diện cho 34 chi bộ cơ sở, nhằm tổng kết tình hình kinh tế - xã hội năm 1958, đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 1959 và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá mới.

Hội nghị nghiêm túc kiểm điểm tình hình mọi mặt, khẳng định những thành tựu, đồng thời chỉ ra những hạn chế trong

lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã, công tác xoá mù chữ, bổ túc văn hoá và công tác xây dựng Đảng. Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội nghị đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 1959 là:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thủy lợi, cải tiến kỹ thuật; thực hành tiết kiệm để đẩy mạnh sản xuất.

- Củng cố và phát triển vững chắc tổ đổi công, đồng thời phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng.

- Tiếp tục thanh toán nạn mù chữ và mở rộng phong trào bổ túc văn hoá.

- Tiến hành giáo dục, rèn luyện đảng viên để củng cố chi bộ, đồng thời không ngừng phát triển đảng viên mới để tăng cường sức mạnh cho Đảng bộ.

Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành mới gồm 23 uỷ viên. Đồng chí Trần Văn Thái được bầu là Bí thư Huyện uỷ⁽¹⁾. Thành công của Hội nghị toàn Đảng bộ Bình Lục đã tạo ra sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, tạo niềm tin cho Đảng bộ và nhân dân trong huyện để hoàn thành nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế - văn hoá xã hội 3 năm (1958-1960).

Bước vào năm 1959, năm bản lề của kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế - văn hoá, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Đảng bộ (tháng 12-1958), Huyện uỷ

(1). Đồng chí Trần Văn Thái làm Bí thư Huyện uỷ từ 1953 đến 1959, sau đó đồng chí Nguyễn Anh Tuấn về thay.

xác định nhiệm vụ cải tạo và phát triển nông nghiệp là: Năm vững nhiệm vụ trung tâm sản xuất nông nghiệp, lấy củng cố tổ đổi công và xây dựng hợp tác xã làm khâu chính, đưa tốc độ cải tạo nông nghiệp lên nhanh hơn, mạnh hơn, tạo cơ sở để căn bản hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp vào cuối năm 1960. Thực hiện chủ trương trên của Huyện ủy, các cấp uỷ Đảng, chính quyền các địa phương tăng cường lãnh đạo củng cố tổ đổi công và xây dựng hợp tác xã. Năm 1959, toàn huyện có 952 tổ đổi công gồm 12.162 hộ. Đến cuối năm 1960, trên 90% số hộ tham gia tổ đổi công, trong đó có 40-50% số tổ đổi công hoạt động thường xuyên.

Trong phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, qua 2 năm (1959-1960), huyện đã phát động được 6 đợt vận động nông dân vào hợp tác xã (năm 1959 là 4 đợt, 2 đợt năm 1960). Qua các đợt vận động, số hộ nông dân vào hợp tác xã ngày càng tăng. Nếu cuối năm 1958, toàn huyện mới có 13 hợp tác xã ở 10 xã thì đến cuối năm 1959 tăng lên 167 hợp tác xã ở 31 xã, với 5.531 hộ, chiếm tỷ lệ 24,36%. Một số xã có nhiều hộ nông dân vào hợp tác xã là: Bình Minh 73%, Hoà Bình 50%, Đình Xá 41%. Bước sang năm 1960, nhằm đẩy mạnh phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, Huyện uỷ triệu tập Hội nghị cán bộ toàn huyện bao gồm các bí thư đảng uỷ, chi uỷ và các chủ nhiệm hợp tác xã để bàn biện pháp đẩy mạnh phong trào. Với khẩu hiệu *Bình Lục quyết phấn đấu để căn bản hoàn thành hợp tác hoá*, Đảng bộ phát động đợt *Vận động mùa xuân (đợt 5)* và đợt *Vận động cao điểm mùa thu (đợt 6)*.

Nhờ sự chỉ đạo sát sao của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự tích cực của các hộ nông dân, đến cuối năm 1960, toàn huyện có 263 hợp tác xã nông nghiệp với 18.195 hộ, chiếm tỷ lệ 87,6%.

Sau 3 năm đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, quan hệ sản xuất ở nông thôn đổi thay nhanh chóng. Kinh tế hợp tác xã từ chỗ chỉ chiếm 1,67% năm 1958, tăng lên 24,36% năm 1959 và 39,4% đầu năm 1960. Đến cuối năm 1960, với 87,66% số hộ tham gia hợp tác xã, kinh tế tập thể đã sở hữu 25.276 mẫu ruộng, 24 mẫu 6 sào cây lâu năm, 252 mẫu 8 sào đầm, hồ, ao; công hữu 2.366 con trâu và 380 con bò. Sau đợt vận động cao điểm mùa Thu năm 1960, trong số 31 xã: có 24 xã hoàn thành xây dựng hợp tác xã bậc thấp với 85- 99,54% số hộ tham gia, 5 xã căn bản hoàn thành với 71- 85% số hộ tham gia. Xã có số hộ nông dân vào hợp tác xã cao nhất là Trịnh Xá (99,54%), xã có tỷ lệ thấp nhất là La Sơn (63%). Bên cạnh xây dựng hợp tác xã bậc thấp, trong năm 1960, huyện đưa 8 cơ sở lên hợp tác xã bậc cao.

Phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp đã làm thay đổi căn bản quan hệ sản xuất ở nông thôn. Đại đa số ruộng đất, trâu bò- những tài sản thiết yếu nhất của nông nghiệp và nông thôn được công hữu hoá. Nông dân được đưa vào con đường làm ăn tập thể. Tuy nhiên, việc tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp còn nhiều khó khăn. Phong trào phát triển nhanh nhưng chưa đều và hiệu quả chưa cao; chưa xây dựng được ý thức làm chủ của xã viên; nhiều cơ chế chính sách quản lý bất cập. Trong lãnh đạo còn thiếu sót về

đường lối giai cấp, nôn nóng, chưa tôn trọng đúng mức nguyên tắc tự nguyện.

Song song với việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, Bình Lục cũng quan tâm tổ chức các hợp tác xã tín dụng. Từ năm cơ sở ban đầu trong năm 1957, sang năm 1958, huyện phát triển được 29 cơ sở ở 31 xã, thu hút 3.875 hộ tham gia. Đến cuối năm 1960, toàn huyện có 18.375 hộ tham gia các hợp tác xã tín dụng, đạt 87,7%. Từ năm 1959, huyện phát động phong trào nông dân gửi tiền tiết kiệm. Số tiền nhân dân gửi vào các hợp tác xã tín dụng tăng nhanh từ 1,1 triệu đồng năm 1959 lên 2,5 triệu đồng năm 1960.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Tỉnh uỷ về việc đẩy mạnh xây dựng hợp tác xã mua bán, từng bước hình thành thị trường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, Huyện uỷ chỉ đạo các hợp tác xã tập trung phát triển mạng lưới hợp tác xã mua bán đến từng thôn, xóm. Nhờ sự tích cực vận động của các cấp uỷ, chính quyền địa phương, phong trào xây dựng hợp tác xã mua bán phát triển mạnh. Nếu năm 1958 mới có 812 xã viên tham gia hợp tác xã mua bán thì sang năm 1959 có 1.640 người và năm 1960 tăng lên 5.996 người. Tổng số xã viên tham gia hợp tác xã mua bán trong 3 năm (1958-1960) là 8.348 người. Đến cuối năm 1960, hầu hết các thôn, xóm đều có cơ sở hợp tác xã mua bán. Các hợp tác xã mua bán đã cung cấp (phân bón, nông cụ) phục vụ sản xuất và các mặt hàng hoá thiết yếu (vải, giấy, dầu, muối...) phục vụ cuộc sống nhân dân.

Cùng với việc đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thực hiện Nghị quyết lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp và quán triệt sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Đảng bộ Bình Lục tập trung chỉ đạo cải tạo đối với các thành phần kinh tế này.

Năm 1959, toàn huyện có 1.886 hộ buôn bán nhỏ. Qua một năm cải tạo, huyện đã đưa 243 hộ trở về sản xuất nông nghiệp và cấp đăng ký kinh doanh cho 1.643 người, đạt 95% kế hoạch và chiếm 16% tổng số hộ tiểu thương; đối với những ngành chủ yếu như vải, bách hoá đạt 58%. Sang năm 1960, Huyện uỷ và các Chi uỷ tập trung chỉ đạo cải tạo thương nghiệp. Đến cuối năm 1960, Bình Lục đã cải tạo và đưa vào các hình thức thấp 1.475 người đạt 80,6% kế hoạch. Bên cạnh đó, huyện vận động các hộ tiểu thương tham gia các hợp tác xã: mua chung, bán chung 217 người; mua chung, bán riêng 96 người; mua riêng, bán riêng 441 người. Trong số này có 158 người do hợp tác xã nông nghiệp quản lý lao động và 41 người do hợp tác xã nông nghiệp quản lý kinh doanh.

Về thủ công nghiệp, năm 1959, toàn huyện có 2.138 người làm các nghề thợ rèn, may mặc, làm nón, dệt gai, dệt vải, làm ren... Đến hết tháng 12-1959, huyện tổ chức 1.603 người vào các hợp tác. Sang năm 1960, huyện tổ chức 4.007 người làm các nghề thủ công vào hình thức hợp tác xã trung bình. Trong số 3.482 người làm nghề thủ công nghiệp nằm trong hợp tác xã nông nghiệp có 3.365 người vào các hình

thức hợp tác xã trung bình và thấp, chiếm tỷ lệ 96,06%, vượt 11,1% so với kế hoạch. Sau 2 năm tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, huyện đã căn bản hoàn thành kế hoạch do tỉnh giao với trên 80% hộ tiểu thương và trên 90% số hộ làm nghề thủ công.

Trong 3 năm (1958-1960), công tác cải tạo các thành phần kinh tế cá thể ở Bình Lục căn bản hoàn thành. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập dưới 2 hình thức sở hữu Nhà nước và tập thể.

Trong chỉ đạo phát triển nông nghiệp, Đảng bộ Bình Lục tập trung lãnh đạo phát động các phong trào: khai hoang, vỡ hoá, làm thuỷ lợi, đắp đập chống hạn, cải tiến kỹ thuật. Năm 1960, toàn huyện khai hoang, vỡ hoá thêm 144 mẫu ruộng. Công tác thuỷ lợi được các xã trong huyện quan tâm. Năm 1959, huyện huy động hơn 100.000 ngày công để coi đắp 125 con đường, nạo vét 89 con mương, cung cấp nước cho 3.600 mẫu hoa màu và 13.500 mẫu lúa. Năm 1960, công tác thuỷ lợi được đẩy mạnh một bước. Toàn huyện đào đắp hơn 10 triệu m³ trung và tiểu thủy nông, cung cấp nước tưới cho 5.000 mẫu lúa và hoa màu. Phong trào cải tiến kỹ thuật được phát động sâu rộng trong các hợp tác xã và đối với tất cả các khâu của sản xuất nông nghiệp như: cày sâu, bừa kỹ, cấy dày, làm phân bón, cải tiến nông cụ. Năm 1960, toàn huyện có 5.486 cày cải tiến và 103 bừa cải tiến. Các nông cụ cải tiến trong huyện hầu hết đều thuộc các hợp tác xã nông nghiệp.

Do có sự chỉ đạo sát sao của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và nhờ sự tích cực của Ban quản trị hợp tác xã và các hộ xã viên nên những năm 1959, 1960 mặc dù bị thiên tai hoành hành (3/4 vụ) và diện tích hạn hán lên tới hơn 10.000 mẫu, sản xuất nông nghiệp vẫn đạt được kết quả đáng kể. Sản lượng lúa năm 1959 đạt 27.255 tấn. Sản lượng ngô đạt 177,7 tấn; sản lượng khoai, sắn đạt 2325 tấn. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 29.760 tấn. Năm 1960, sản lượng lúa đạt 25.383 tấn; sản lượng ngô đạt 111,6 tấn; sản lượng khoai, sắn đạt 2.020 tấn. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 27.515 tấn. Bình quân lương thực đầu người năm 1959 đạt 296 kg, năm 1960 là 279 kg.

Sản lượng lương thực không tăng đã ảnh hưởng đến ngành chăn nuôi. Tổng đàn trâu năm 1959 là 2.975 con, năm 1960 có 2.506 con. Tổng đàn bò năm 1959 là 944 con, năm 1960 còn 802 con. Đàn lợn thịt năm 1959 đạt xấp xỉ 20.000 con, sang năm 1960 chỉ đạt 12.941 con.

Song song với việc lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ Bình Lục coi trọng phát triển sự nghiệp văn hoá xã hội. Phong trào bổ túc văn hoá tiếp tục được duy trì. Năm 1959, bổ túc văn hoá cho 75 cán bộ xã, 320 đoàn viên thanh niên và 3.325 người dân. Giáo dục các cấp có bước phát triển: vỡ lòng có 5.089 học sinh; cấp I có 8.815 học sinh với 190 lớp, tăng 25% so với năm 1958; cấp II có 6 trường và 25 lớp với 1.400 học sinh, tăng hơn năm 1958 là 695 học sinh. Năm 1960, bổ túc văn hoá cho hơn 7.000 người, bao gồm tất cả các đối tượng. Giáo dục cấp I và cấp II tăng trưởng nhanh. Cấp I có

10.561 học sinh, tăng hơn năm 1959 hơn 1.000 học sinh. Cấp II có 2.850 học sinh, tăng gấp đôi năm 1959. Hoạt động văn hoá- văn nghệ, thông tin, tuyên truyền phát triển mạnh hướng vào vận động nhân dân thực hiện các đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ và hướng đến kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng, 15 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Sự nghiệp y tế có chuyển biến đáng kể. Đến năm 1959, huyện xây dựng được 15 trạm xá hộ sinh dân lập và 2 xã có cơ sở y tế dân lập. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường với 116 cán bộ y tế xã, 65 nữ hộ sinh và 434 cán bộ y tế xóm. Các xã thành lập tủ thuốc phòng bệnh, phát động phong trào sạch làng, tốt ruộng, đào giếng khơi, xây hố xí hai ngăn...

Một trong những nhiệm vụ được Đảng bộ Bình Lục chú trọng lãnh đạo trong những năm cuối thập kỷ 50 là bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và củng cố quốc phòng nhằm bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.

Trong công tác an ninh, Huyện uỷ chỉ đạo các địa phương tăng cường giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng cho quần chúng, chống lại âm mưu lôi kéo, dụ dỗ, chống phá cách mạng của bọn phản động đội lối Thiên chúa giáo. Lực lượng an ninh tích cực khám phá các vụ án. Số vụ án được phá tăng so với những năm trước 10%. Bên cạnh đó, công tác phòng gian, bảo mật được tăng cường đã góp phần giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, việc nắm tình

10.561 học sinh, tăng hơn năm 1959 hơn 1.000 học sinh. Cấp II có 2.850 học sinh, tăng gấp đôi năm 1959. Hoạt động văn hoá- văn nghệ, thông tin, tuyên truyền phát triển mạnh hướng vào vận động nhân dân thực hiện các đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ và hướng đến kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng, 15 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Sự nghiệp y tế có chuyển biến đáng kể. Đến năm 1959, huyện xây dựng được 15 trạm xá hộ sinh dân lập và 2 xã có cơ sở y tế dân lập. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường với 116 cán bộ y tế xã, 65 nữ hộ sinh và 434 cán bộ y tế xóm. Các xã thành lập tủ thuốc phòng bệnh, phát động phong trào sạch làng, tốt ruộng, đào giếng khơi, xây hố xí hai ngăn...

Một trong những nhiệm vụ được Đảng bộ Bình Lục chú trọng lãnh đạo trong những năm cuối thập kỷ 50 là bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và củng cố quốc phòng nhằm bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.

Trong công tác an ninh, Huyện uỷ chỉ đạo các địa phương tăng cường giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng cho quần chúng, chống lại âm mưu lôi kéo, dụ dỗ, chống phá cách mạng của bọn phản động đội lối Thiên chúa giáo. Lực lượng an ninh tích cực khám phá các vụ án. Số vụ án được phá tăng so với những năm trước 10%. Bên cạnh đó, công tác phòng gian, bảo mật được tăng cường đã góp phần giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, việc nắm tình

hình và những diễn biến phức tạp còn chậm. Việc chống lại những luận điệu phản tuyên truyền chưa được chú ý đúng mức và hiệu quả chưa cao.

Công tác củng cố quốc phòng được các cấp uỷ Đảng, chính quyền quan tâm. Huyện mở các đợt giáo dục về nghĩa vụ quân sự và xây dựng lực lượng vũ trang cho đảng viên, cán bộ, thanh niên, dân quân và xã viên HTX. Việc huấn luyện chính trị quân sự được thực hiện thường xuyên. Năm 1959, huấn luyện chính trị cho 3.497 người và chỉnh huấn cho 800 dân quân. Bộ máy quân sự của huyện đội, và các xã hoạt động thường xuyên. Toàn huyện có 23 xã được phiên chế thành 48 đại đội. Công tác tuyển quân bổ sung cho lực lượng thường trực được chú ý. Năm 1959, hoàn thành 88% kế hoạch được giao. Riêng đợt tuyển quân đầu năm 1960, công tác tuyển quân vượt kế hoạch tỉnh giao 37%.

Năm 1959, Bình Lục hoàn thành tốt việc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân xã, Uỷ ban hành chính huyện, xã. Sau bầu cử, bộ máy chính quyền các cấp được kiện toàn một bước trên cơ sở phân công, phân nhiệm rõ ràng. Tuy nhiên, việc bồi dưỡng cán bộ chính quyền về lề lối, tác phong làm việc còn yếu. Năng lực đội ngũ cán bộ còn bất cập. Bộ máy chính quyền từ huyện đến thôn, xóm còn công kênh, hiệu quả hoạt động chưa cao.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc có nhiều chuyển biến tích cực. Trong công tác vận động nhân dân vào các Hợp tác xã nông nghiệp, Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tranh thủ các

chánh trương, chòm trưởng và các linh mục nên đã hạn chế được các hoạt động phá hoại của bọn đội lốt Thiên chúa giáo. Mặt khác, chính sách đối với tôn giáo của Mặt trận ngày càng đi sâu vào quần chúng nên được đông đảo nhân dân ủng hộ.

Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Nông hội được các cấp, các ngành coi trọng trên cơ sở lấy việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị làm trọng tâm để quy tụ các lực lượng quần chúng. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể đã có nhiều đóng góp trong việc vận động nhân dân tiến hành cải tạo các thành phần kinh tế, tổ chức các phong trào thi đua *chống hạn, làm thủy lợi, cải tiến kỹ thuật, làm phân bón*. Trong số các tổ chức quần chúng, Đoàn thanh niên đã phát huy được vai trò xung kích, luôn đi đầu trong mọi phong trào thi đua.

Cùng với việc tập trung lãnh đạo cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, từng bước phát triển kinh tế-văn hoá, Đảng bộ Bình Lục luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng. Quán triệt các Nghị quyết của Trung ương và Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Bình Lục tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Năm 1959, các chi bộ trong huyện đã tổ chức học tập Nghị quyết 14 của Trung ương cho 729 đảng viên, chính huấn 913 đảng viên trong số 1.225 đảng viên, đạt tỷ lệ 87,3%. Đợt học tập Chỉ thị 169 của Trung ương về tuyên truyền kết nạp đảng viên “lớp 6-1”⁽¹⁾, các chi bộ tổ chức học tập cho 779 đảng viên. Trong 2 năm (1959-

(1). Trước đây Đảng ta lấy ngày thành lập Đảng là 6.1. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9.1960) quyết định là ngày 3. 2.

1960), Đảng bộ huyện tổ chức nhiều lớp học tập quán triệt Nghị quyết của Trung ương và Tỉnh uỷ về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, đồng thời mở các đợt giáo dục nhằm tạo ra sự chuyển biến trong nhận thức của đảng viên về các vấn đề hợp tác hoá, sản xuất kinh tế, phát triển văn hoá- xã hội.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và Tỉnh uỷ về việc tiến hành Đại hội các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (1960), từ ngày 9 đến ngày 13 tháng 5-1960, Đảng bộ huyện Bình Lục tiến hành Đại hội để thảo luận Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương, Dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV. Đại hội kiểm điểm công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế- xã hội 2 năm (1959-1960), đồng thời đề ra phương hướng, kế hoạch cho những tháng còn lại của năm 1960 và năm 1961. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá mới gồm 21 uỷ viên, trong đó có 5 Thường vụ Huyện uỷ. Đồng chí Nguyễn Anh Tuấn, Tỉnh uỷ viên được bầu là Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Phạm Hữu Bật là Phó Bí thư, Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện.

Hầu hết các Đại hội chi bộ, việc bầu cử đảm bảo đúng tính dân chủ và tính giai cấp. Trong số 39 chi bộ có 219, chi uỷ viên là bản nông, 143 trung nông, 75 nữ và 11 theo đạo Thiên chúa. Từ tháng 6-1960, Huyện uỷ tiến hành chia 10 chi bộ và tổ đảng thành 48 chi bộ nhỏ để phù hợp với điều kiện sinh hoạt và sản xuất.

Sau Đại hội Đảng bộ huyện, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Tỉnh uỷ, Huyện uỷ phát động phong trào xây dựng chi bộ 4 tốt⁽¹⁾ để tạo ra sự chuyển biến trong sản xuất nông nghiệp, hợp tác hoá và công tác lương thực. Qua việc xây dựng chi bộ 4 tốt, nhiều chi bộ kém trở thành chi bộ khá như Mỹ Thọ, Liên An, Hưng Công⁽²⁾. Trong tổng số 175 chi uỷ viên ở 26 xã có 143 tích cực, 26 trung bình và 6 kém.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về tăng cường kết nạp đảng viên “lớp 6-1”, Đảng bộ huyện chú trọng kết nạp đảng viên mới. Năm 1959 kết nạp 173 đảng viên, trong đó riêng dịp 6-1 kết nạp 96 đảng viên. Năm 1960, toàn Đảng bộ kết nạp 274 đảng viên, trong đó, dịp 6-1 là 202 đồng chí. Các đảng viên được kết nạp là quần chúng tốt, đại bộ phận là bản, cố nông. Đi đôi với tăng cường kết nạp đảng viên mới, Đảng bộ huyện cũng thực hiện nghiêm kỷ luật Đảng. Năm 1960, cảnh cáo 30 người, khai trừ khỏi Đảng 8 người.

Công tác cán bộ được chú ý nhằm nâng cao trình độ lãnh đạo của Đảng bộ. Năm 1959 và 1960, Đảng bộ Bình Lục đã cử hàng trăm cán bộ, đảng viên đi học tập các lớp bồi dưỡng kiến

(1). Chi bộ 4 tốt: - Lãnh đạo sản xuất tốt.

- Lãnh đạo chấp hành chính sách và pháp luật Nhà nước tốt.

- Quan tâm đến đời sống quần chúng và làm tốt công tác vận động quần chúng.

- Công tác củng cố và phát triển Đảng tốt.

(2). Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam tập I (1927-1975). 2000, tr.318.

thức. Riêng năm 1960 đã có 192 người được cử đi học chính trị, 120 người đi học các lớp văn hoá từ 1 tháng đến 1 năm.

Tuy nhiên, việc tự phê bình và tự phê bình trong Đảng chưa được đẩy mạnh. Công tác phát triển đảng chưa đều ở các chi bộ. Việc giáo dục và bồi dưỡng đảng viên chưa được coi trọng đúng mức. Vì thế, tỷ lệ đảng viên kém còn chiếm tới 20% tổng số đảng viên toàn Đảng bộ.

Sau hơn 6 năm kiên trì phấn đấu, Đảng bộ và nhân dân Bình Lục từng bước vượt qua khó khăn, thử thách; hoàn thành cải cách ruộng đất; đập tan âm mưu dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào công giáo di cư vào Nam; căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế và bước đầu phát triển kinh tế- văn hoá xã hội. Những thành quả của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên địa bàn huyện những năm 1954-1960 là tiền đề quan trọng để Bình Lục thực hiện thành công kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

2. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9-1960) và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (2-1961) xác định nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là tiến hành xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Tỉnh uỷ, đầu năm 1961, Huyện uỷ triệu tập Hội nghị cán bộ toàn huyện, đề ra 10 nhiệm vụ, nhằm tích

cực củng cố, phát triển hợp tác xã nông nghiệp, lấy sản xuất nông nghiệp là trọng tâm, đảm bảo tự túc lương thực, đồng thời đẩy mạnh các mặt công tác khác; lấy việc xây dựng Đảng, củng cố chi bộ, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ là khâu chính.

Để hoàn thành các nhiệm vụ đó, ngay từ đầu năm, Huyện uỷ, Ủy ban hành chính huyện đã phát động phong trào thi đua làm thuỷ lợi và đẩy mạnh chiến dịch *Hà Nam- Biên Hoà giành vụ Đông- Xuân thắng lợi*. Huyện đã huy động hàng trăm ngàn ngày công đào đắp trên 500 ngàn m³ đất hệ thống trung, tiểu thuỷ nông. Trong vụ Xuân 1960-1961, huyện hoàn thành đào đắp 1 đường và 1 mương phân thuỷ khu B, đào sông Bùi khu C, nạo vét 3 máng (Cát Lại Thanh Bình, Cát Tường và Biên Hoà) và xây dựng được 4 mương mới. Trong sản xuất nông nghiệp, huyện mở chiến dịch *Đông Xuân Hà Nam- Biên Hoà quyết tiến, quyết thắng*. Đây là chiến dịch thi đua với Biên Hoà kết nghĩa để cày cấy kịp thời vụ, làm thuỷ lợi và làm phân bón. Tiêu biểu nhất trong chiến dịch này là xã Trịnh Xá. Tại đây, các tầng lớp nhân dân đã làm đất, cấy lúa ban đêm, đảm bảo gieo trồng đúng khung thời vụ tốt nhất.

Cùng với việc mở *chiến dịch Hà- Biên*, Đảng bộ còn phát động phong trào cải tiến nông cụ sản xuất, cải tiến kỹ thuật gieo trồng, cải tiến quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp. Các phong trào thi đua đã góp phần thúc đẩy sản xuất và mọi mặt công tác phát triển.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và Tỉnh uỷ, từ tháng 6-1961, Huyện uỷ chỉ đạo các cấp uỷ đảng, chính quyền cơ sở thực hiện đợt chỉnh huấn và hưởng ứng cuộc vận động xây dựng *chi bộ ba nhất*⁽¹⁾. Trong đợt chỉnh huấn, toàn Đảng bộ có 1.047 đảng viên tham gia, chiếm 98.7%. Qua chỉnh huấn, cán bộ, đảng viên thấy rõ nhiệm vụ quan trọng là đẩy mạnh sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí. Phong trào thi đua *4 tốt* và xây dựng *chi bộ 3 nhất* đã thu hút nhiều chi bộ và đảng viên tham gia. Sau một thời gian phát động, số chi bộ đạt loại tích cực tăng lên 62,13%. Đặc biệt, Chi bộ Quyết Tiến (thôn Bùi, xã Trịnh Xá) được công nhận là lá cờ đầu của phong trào.

Cuộc vận động xây dựng *chi bộ ba nhất* góp phần xây dựng chi bộ, Đảng bộ vững mạnh và là cơ sở cho phong trào học tập và tiến kịp Đại Phong. Những tháng cuối năm 1961, cùng với các huyện trong tỉnh Hà Nam, Bình Lục phát động các đợt thi đua: tháng 10 *thi đua 6 tốt*, tháng 11 thi đua *sản xuất Đông - Xuân Đại Phong vượt mức kế hoạch*, tháng 12 thi đua *Đông - Xuân Hà - Biên anh dũng*.

Các phong trào thi đua phát động trong cả năm 1961 đã góp phần đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và xây dựng củng

(1). *Chi bộ ba nhất*: - Đảm bảo lãnh đạo phong trào hợp tác hoá, phát triển sản xuất và chấp hành chính sách tốt nhất.

- Củng cố và xây dựng Đảng tốt nhất.

- Học tập đều, kết quả tốt và sửa đổi lề lối làm việc tiến bộ nhất. (Cuộc vận động do Tỉnh uỷ Hà Nam phát động tháng 2-1962).